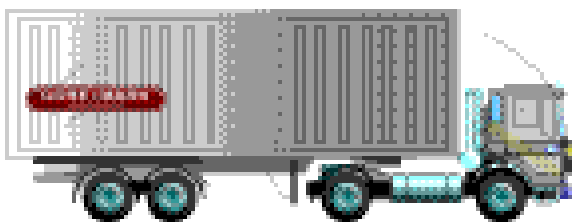
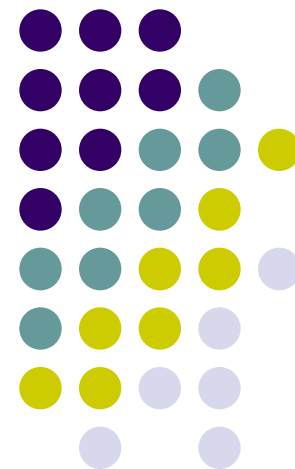
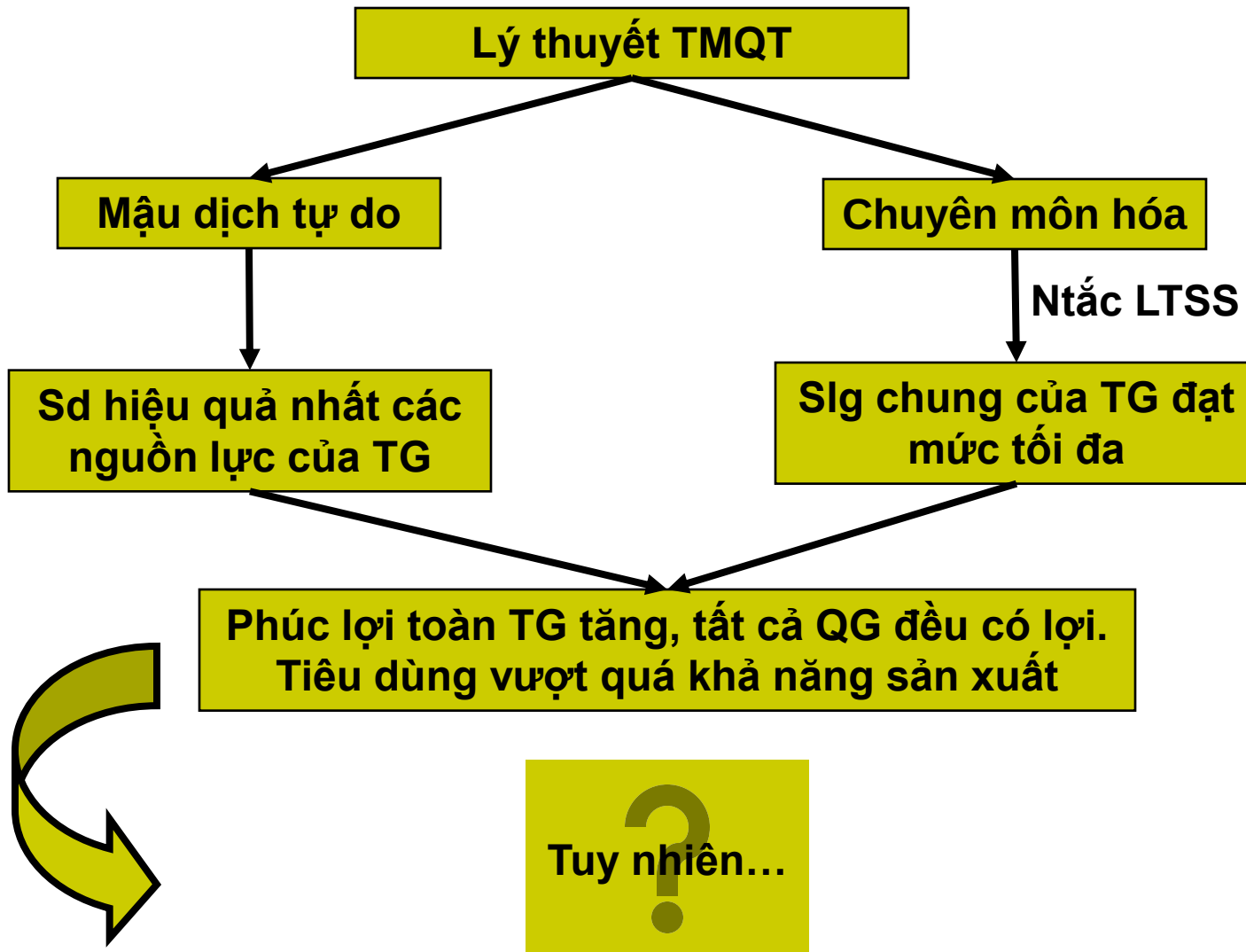
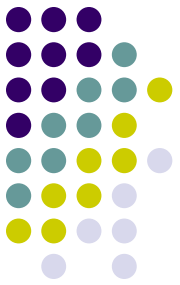


CHƯƠNG 3: CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

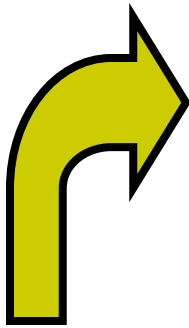
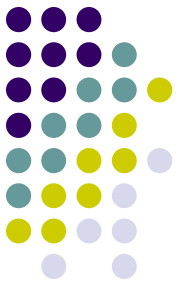
Giảng Viên: Th.S Nguyễn Việt Khôi



GIỚI THIỆU CHUNG



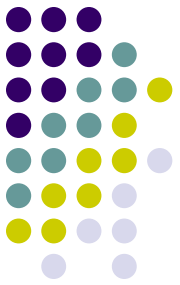
GIỚI THIỆU CHUNG



- Gia tăng nguồn thu ngân sách
- Bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ
- Bảo vệ một số nhóm lợi ích

Với các lý do nhất định các nước vẫn sử dụng những công cụ khác nhau của chính sách mậu dịch để bảo hộ thị trường nội địa

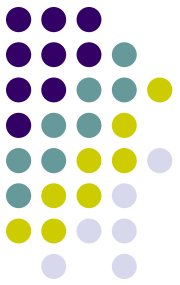
GIỚI THIỆU CHUNG



Mục đích:

- **Biết được chính sách TMQT là gì? Các loại chính sách TMQT đang được áp dụng hiện nay.**
- **Vận dụng các kiến thức đã học trong Kinh tế học để phân tích các tác động của các công cụ sử dụng trong chính sách TMQT (thuế quan và các hàng rào phi thuế quan)**

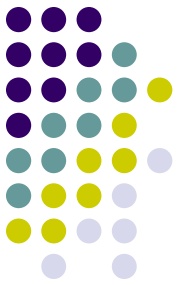
GIỚI THIỆU CHUNG



Nội dung của chương:

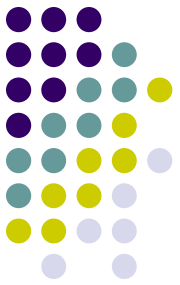
- Trình bày Khái niệm, đặc điểm của chính sách TMQT
- Phân tích những lý lẽ biện hộ cho việc thực thi chính sách tự do mậu dịch và chính sách bảo hộ mậu dịch
- Phân tích các công cụ chủ yếu được áp dụng trong chính sách thương mại của các nước (thuế quan và các hàng rào phi thuế quan)

CHÍNH SÁCH TMQT

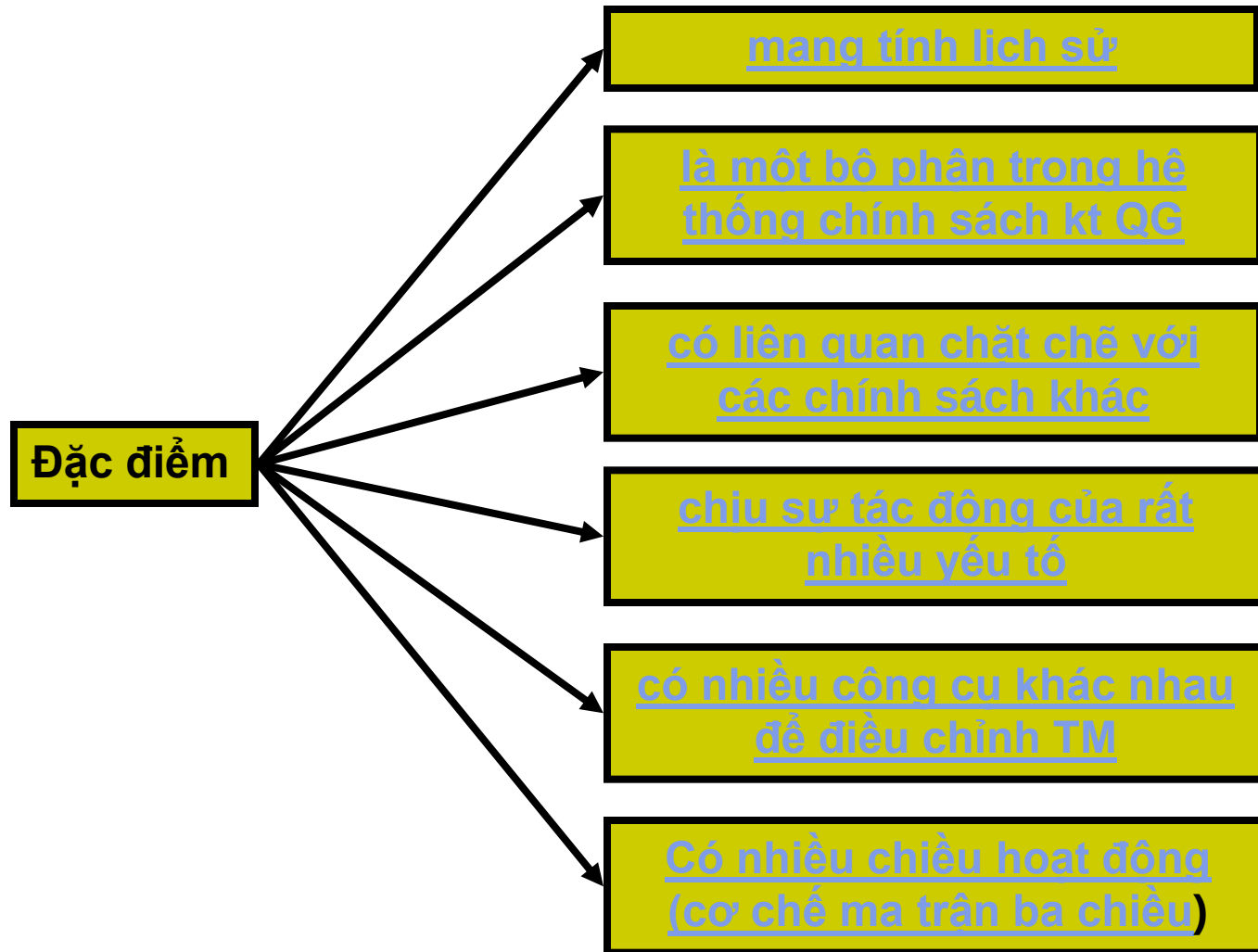


Khái niệm:

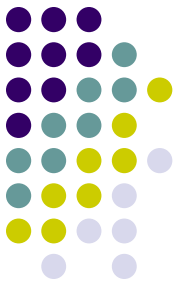
- Chính sách TMQT là hệ thống các quan điểm, nguyên tắc, công cụ và biện pháp nhằm tác động, điều chỉnh, kiểm soát các hoạt động TMQT góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế vĩ mô của quốc gia.



CHÍNH SÁCH TMQT



CHÍNH SÁCH TMQT



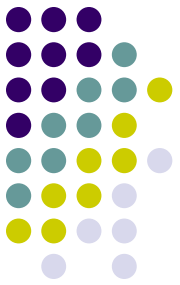
Đặc điểm

- **Thứ nhất**, chính sách TMQT mang tính lịch sử rõ rệt. Nó chỉ có tác dụng trong những thời kỳ nhất định. Tùy theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể, mỗi quốc gia thường có chính sách thương mại quốc tế độc lập, thể hiện ý chí, nguyên tắc và mục tiêu phát triển của mình.

Ví dụ: trước đây, Việt Nam sử dụng rất nhiều các công cụ trong chính sách ngoại thương như: Thuế quan, Bảng giá tính thuế tối thiểu, Thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản phụ thu, Hạn ngạch và các hạn chế số lượng khác, Giấy phép nhập khẩu, Kiểm soát ngoại hối, Thuế xuất khẩu nhưng hiện nay, các công cụ này đã được giảm đi rất nhiều.



CHÍNH SÁCH TMQT

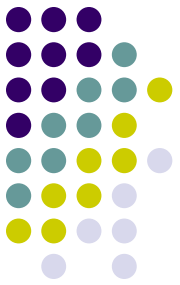


Đặc điểm

- ***Thứ hai***, chính sách TMQT không tồn tại độc lập mà luôn là một bộ phận trong hệ thống chính sách kinh tế của quốc gia. Chính sách TMQT phải phục vụ mục tiêu chung của toàn bộ hệ thống kinh tế. Trong trường hợp mâu thuẫn về mục tiêu, đòi hỏi phải tôn trọng mục tiêu chung của hệ thống.



CHÍNH SÁCH TMQT

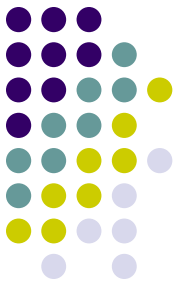


Đặc điểm (tiếp)

- *Thứ ba*, chính sách TMQT còn có mối liên quan chặt chẽ với các chính sách khác như chính sách đầu tư, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách khoa học - công nghệ và trong nhiều trường hợp có sự đan xen giữa các chính sách.

VD: Khi một QG quyết định phá giá đồng tiền nội tệ thì sẽ khuyến khích hoạt động xuất khẩu (do giá của H xk rẻ hơn một cách tương đối so với H khác)



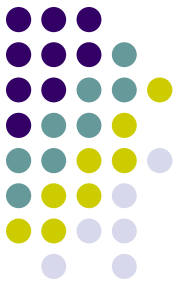


CHÍNH SÁCH TMQT

Đặc điểm (tiếp)

- ***Thứ tư***, chính sách TMQT chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố về kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.
- ***Thứ năm***, để thực hiện chính sách TMQT, có nhiều công cụ khác nhau như: thuế quan, hạn ngạch, hàng rào kỹ thuật, tín dụng, trợ cấp, phá giá... Các công cụ này có thể được sử dụng riêng hoặc phối hợp, tùy theo mục đích điều chỉnh hoạt động thương mại.





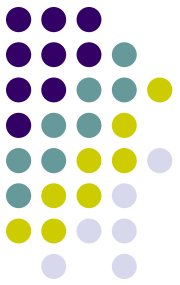
CHÍNH SÁCH TMQT

Đặc điểm (tiếp)

- ***Cuối cùng***, xét về cấu trúc, chính sách TMQT có thể được hình dung như một cơ chế ma trận ba chiều:
 - chiều thứ nhất thường được gọi là cơ chế thúc đẩy - kìm hãm (dùng các công cụ khác nhau để kìm hãm, thả nổi hoặc thúc đẩy hoạt động thương mại)
 - chiều thứ hai thường được gọi chính sách mặt hàng (áp dụng có phân biệt theo từng hàng, ngành hàng, mặt hàng cụ thể)
 - chiều thứ ba là chính sách bạn hàng (thể hiện sự phân biệt mức độ áp dụng chính sách đối với từng nhóm bạn hàng hoặc bạn hàng cụ thể đối với cả chiều xuất và nhập khẩu).



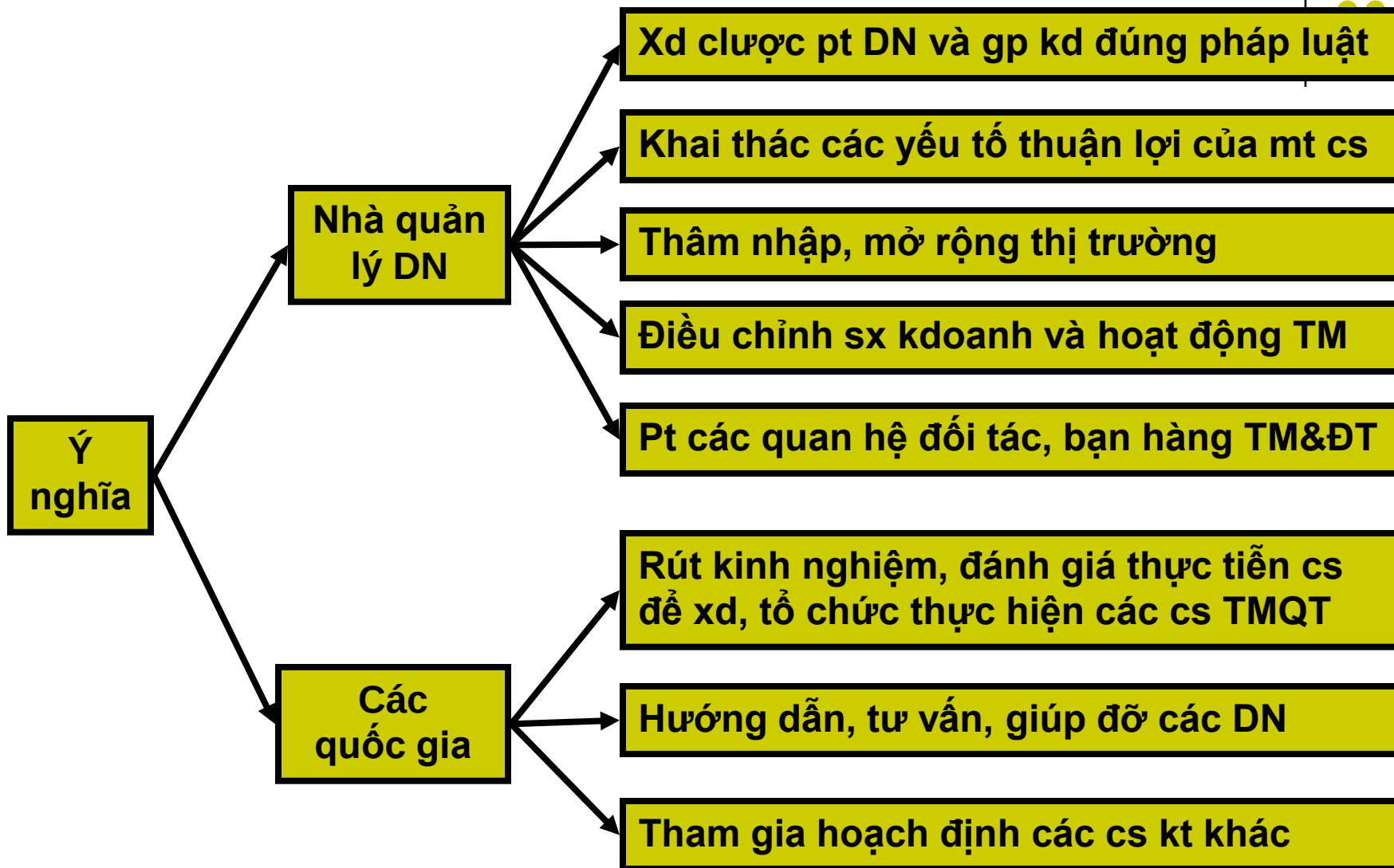
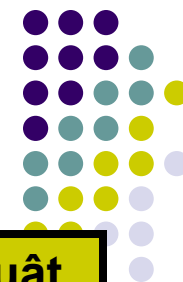
CHÍNH SÁCH TMQT

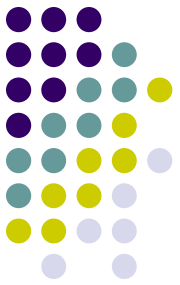


Chính sách TMQT phải chịu hai ràng buộc:

- 
- **Phải thống nhất với chính sách kinh tế chung của quốc gia, ví dụ như cắt giảm thuế quan không tách rời với việc trợ cấp cho các doanh nghiệp gặp khó khăn.**
 - **Phụ thuộc vào chính sách thương mại được áp dụng bởi các nước khác.**

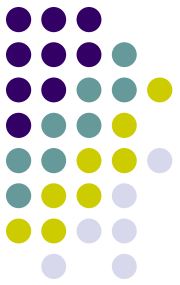
CHÍNH SÁCH TMQT





Chính sách tự do trao đổi hay bảo hộ?

- Chính sách TMQT tự do là chính sách TM mà Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động ngoại thương, mở cửa thị trường nội địa để cho H, dịch vụ, vốn, sức LĐ được tự do lưu thông giữa trong và ngoài nước tạo ĐK cho TMQT phát triển trên cơ sở quy luật tự do cạnh tranh.
- Thực chất của chính sách TM tự do là Nhà nước thực hiện chính sách mở cửa thị trường nội địa.



Chính sách tự do trao đổi

mở cửa thị trường nội địa

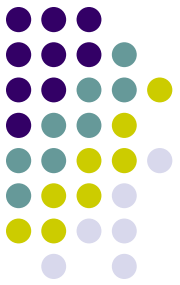
hệ thống giá cả đạt được tình trạng tối ưu trong sx

Các nguồn lực (tài sản và các YTSX) được sử dụng tối ưu

Giá sp, không kể chi phí vận chuyển, ngang bằng với chi phí cận biên của nó

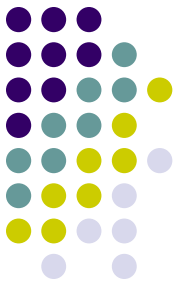
Giá của các YTSX (kể cả có hiệu suất khác nhau) đảm bảo chúng được sử dụng một cách tối ưu

chế độ tự do trao đổi



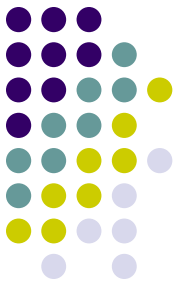
Chính sách tự do trao đổi

- Cần lưu ý rằng, sản xuất tối ưu không có nghĩa là tình hình tốt đẹp chung tối ưu bởi vì hệ thống giá cả *hiệu quả* không có nghĩa là hệ thống giá cả *đúng*.
- Tự do trao đổi cải thiện phân phối thu nhập thế giới hơn là làm tình trạng này tồi đi. Bởi tự do trao đổi làm tăng sản lượng với cách thức phân phối như trước



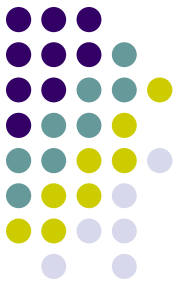
Chính sách bảo hộ TMQT

- **Bảo hộ là mức độ mà các nhà sản xuất nội địa và sản phẩm của họ được bảo vệ khỏi sự cạnh tranh của thị trường thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà sản xuất nội địa kinh doanh ở thị trường trong nước và mở rộng ra thị trường nước ngoài.**



Chính sách bảo hộ TMQT

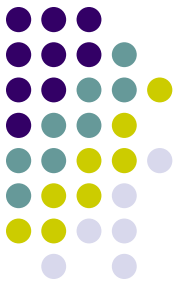
- **Chính sách bảo hộ thương mại là chính sách thương mại trong đó nhà nước sử dụng các biện pháp bảo vệ thị trường nội địa trước sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu đồng thời nhằm nâng đỡ các nhà kinh doanh trong nước có điều kiện mở rộng kinh doanh ra thị trường nước ngoài.**



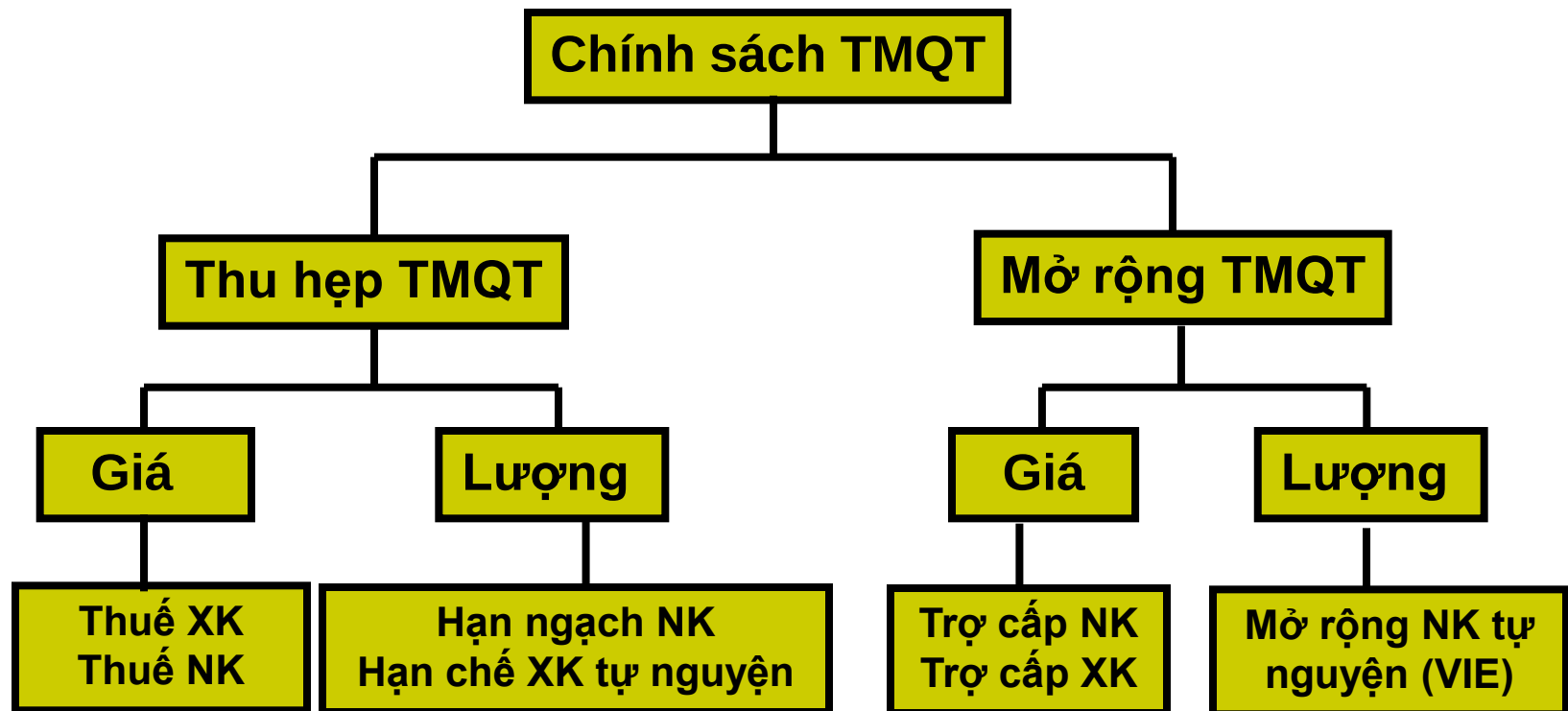
Chính sách bảo hộ TMQT

Những lý lẽ của chủ nghĩa bảo hộ: bảo hộ ngành công nghiệp non trẻ do:

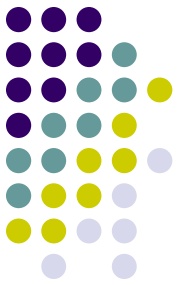
- **Tính cứng nhắc của thị trường quốc tế làm cho cạnh tranh trên thị trường này không thể là cạnh tranh hoàn hảo**
- **Các phản ứng với biến động giá cả có thể trở nên thái quá bởi hiệu quả Cobweb**
- **Sự tồn tại của hiệu quả kinh tế ngoại vi**



CÁC CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH TMQT



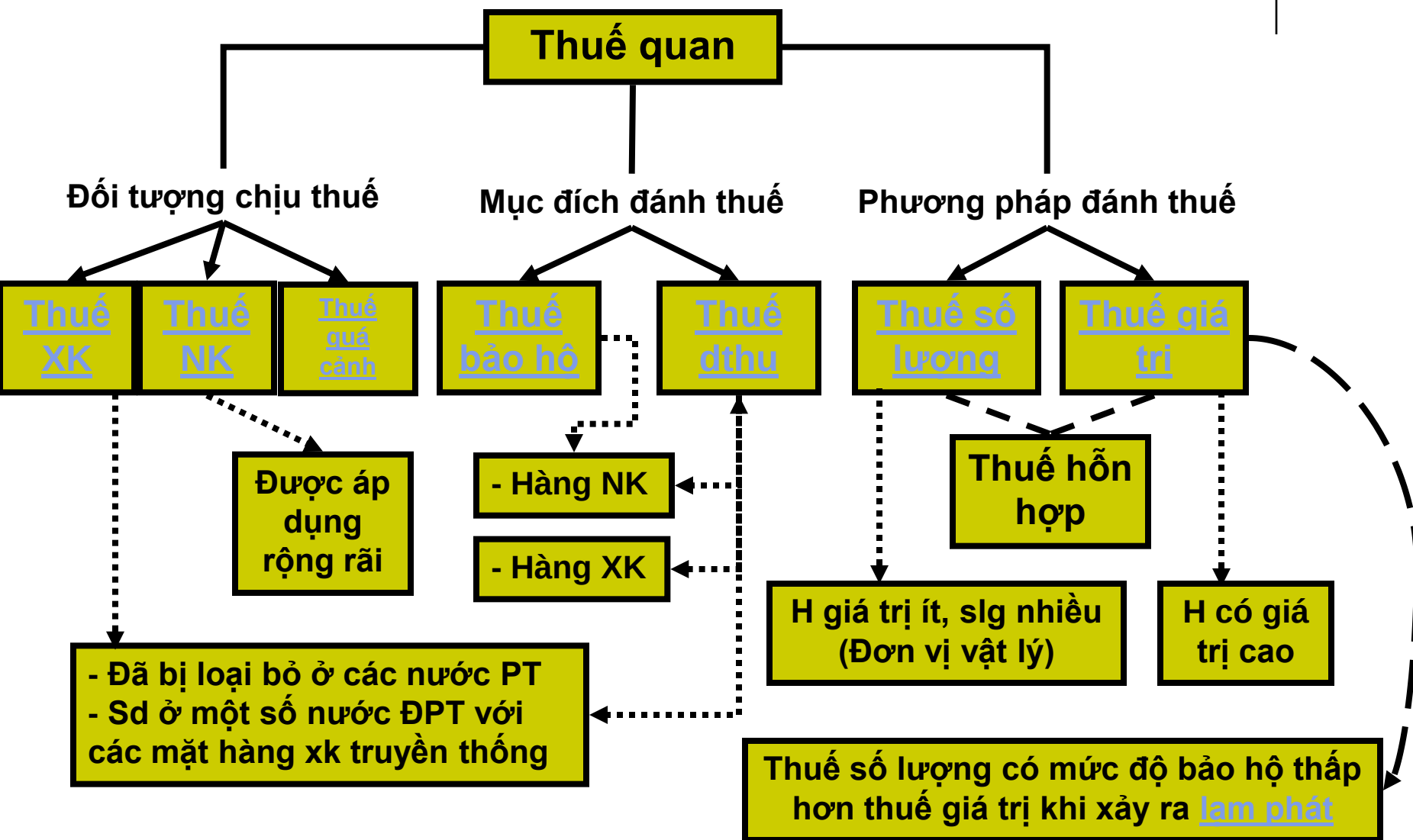
THUẾ QUAN

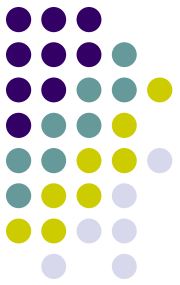


Khái niệm:

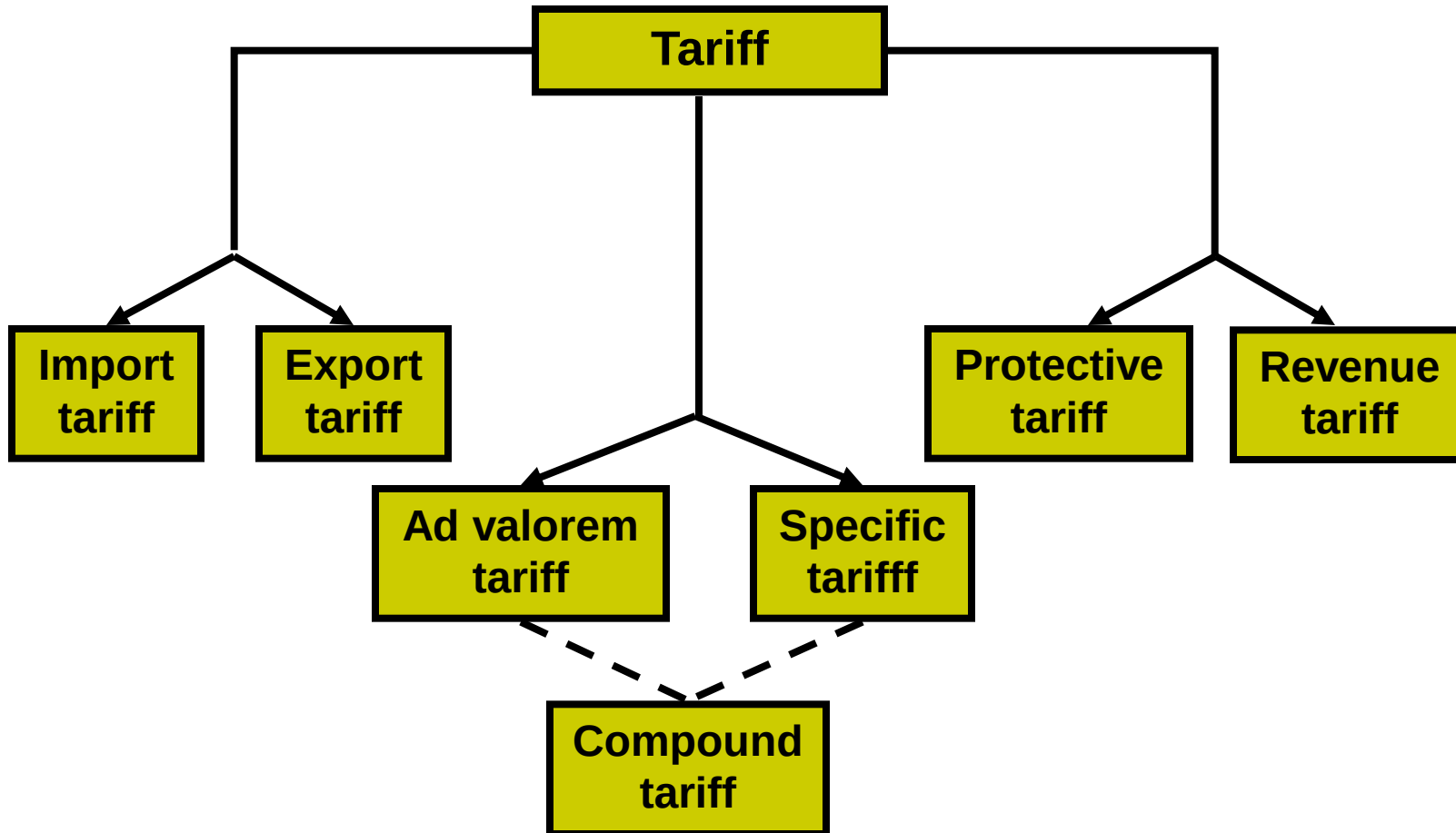
- ***Thuế quan là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu***
- ***Khái niệm khác: Thuế quan là một loại thuế đánh vào hàng hóa khi nó được vận chuyển xuyên qua biên giới quốc gia***

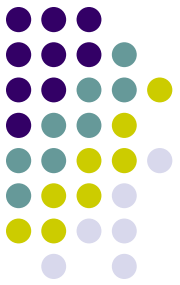
THUẾ QUAN – Phân loại





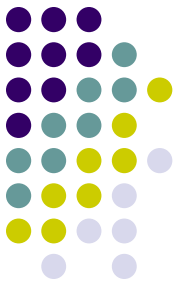
TARIFF – classification





Phân tích tác động chung của thuế quan

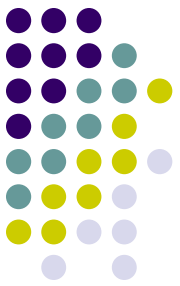
- Giả sử có 2 QG (1 & 2) cùng sx và td H X
- X là ngành cạnh tranh hoàn hảo trên thị trường và ko có chi phí vận chuyển H X giữa 2 QG
- Khi không có TM, mức giá cân bằng của H X tại QG 1 lớn hơn mức giá cân bằng của H X tại QG 2
→ H X sẽ được di chuyển từ QG 2 sang QG 1.
- H X khi được XK từ QG 2 sang QG 1 sẽ khiến mức giá của nó tăng ở QG 2 và giảm ở QG 1 cho đến khi sự khác biệt về giá giữa 2 QG biến mất



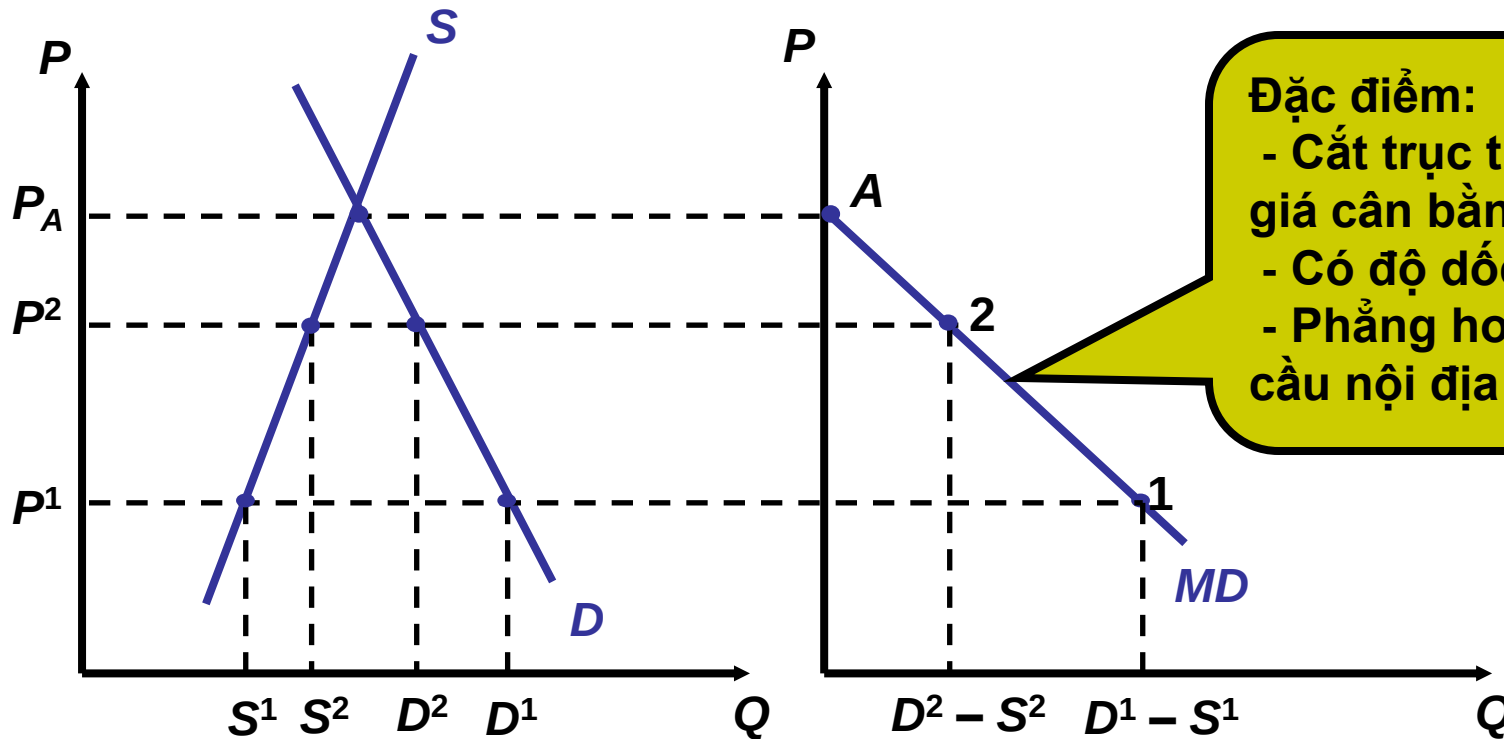
Phân tích tác động chung của thuế quan

Để xác định mức giá thế giới P_w và sản lượng $H X$ được trao đổi, chúng ta cần xây dựng 2 đường:

- Đường cầu nhập khẩu của QG 1**
- Đường cung xuất khẩu của QG 2**

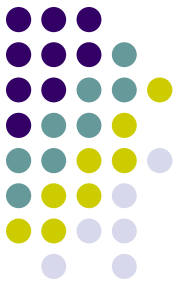


Phân tích tác động chung của thuế quan

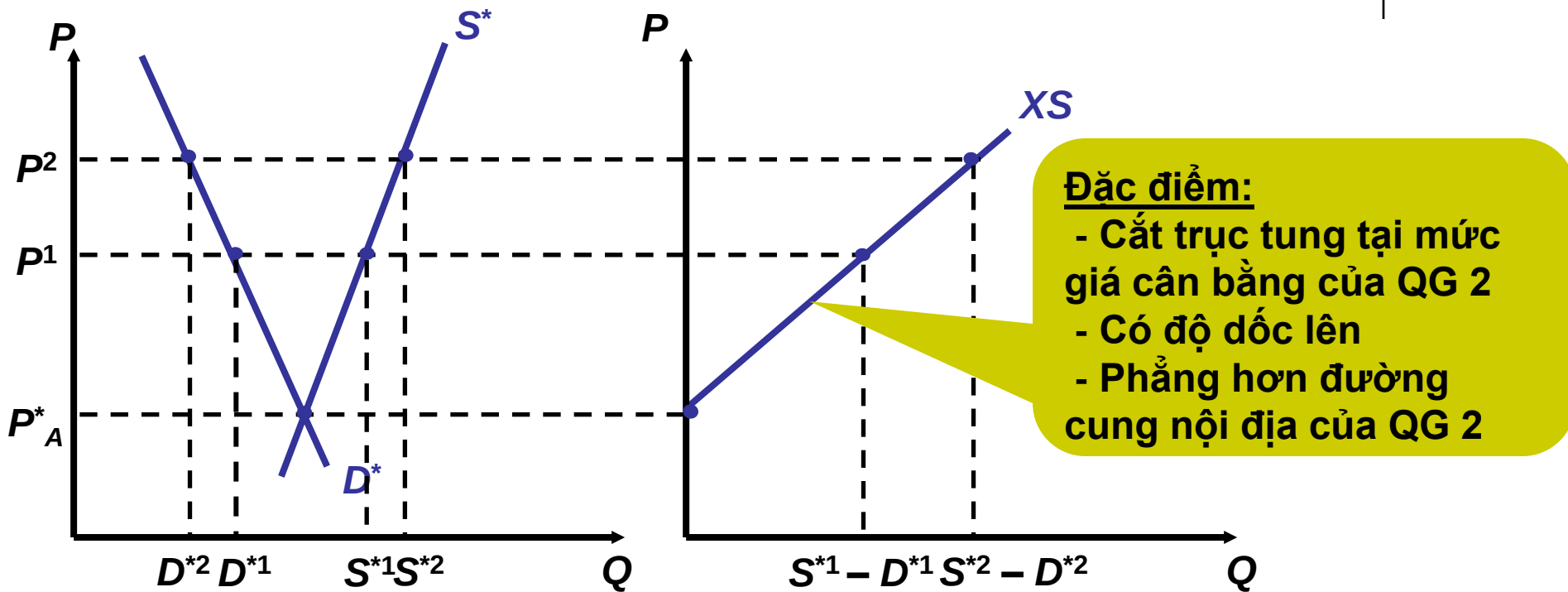


Đường cầu nhập khẩu của QG 1: thể hiện số lượng nhập khẩu tối đa mà QG 1 mong muốn tiêu dùng tại mỗi mức giá nhập khẩu

→ nhu cầu NK = chênh lệch giữa nhu cầu tiêu dùng và mức sản xuất của QG 1 → $MD = D(P) - S(P)$

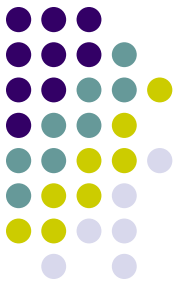


Phân tích tác động chung của thuế quan

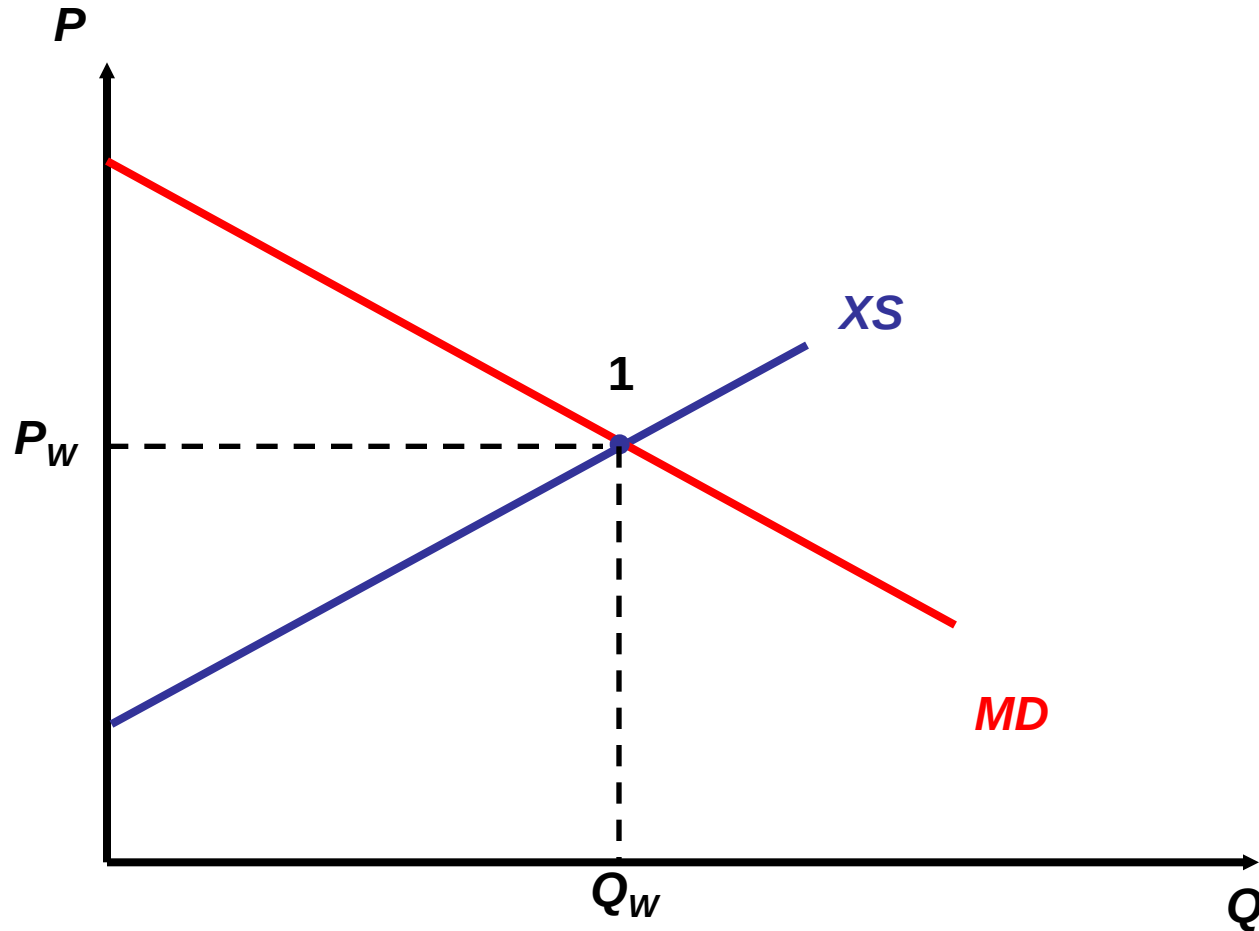


Đường cung xuất khẩu của QG 2: thể hiện số lượng xuất khẩu tối đa mà QG 2 mong muốn cung cấp cho QG 1 tại mỗi mức giá

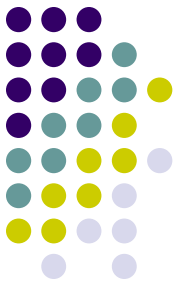
→ nhu cầu XK = chênh lệch giữa mức cung trong nước và nhu cầu tiêu dùng của QG 2 → $XS = S^*(P^*) - D^*(P^*)$



Phân tích tác động chung của thuế quan

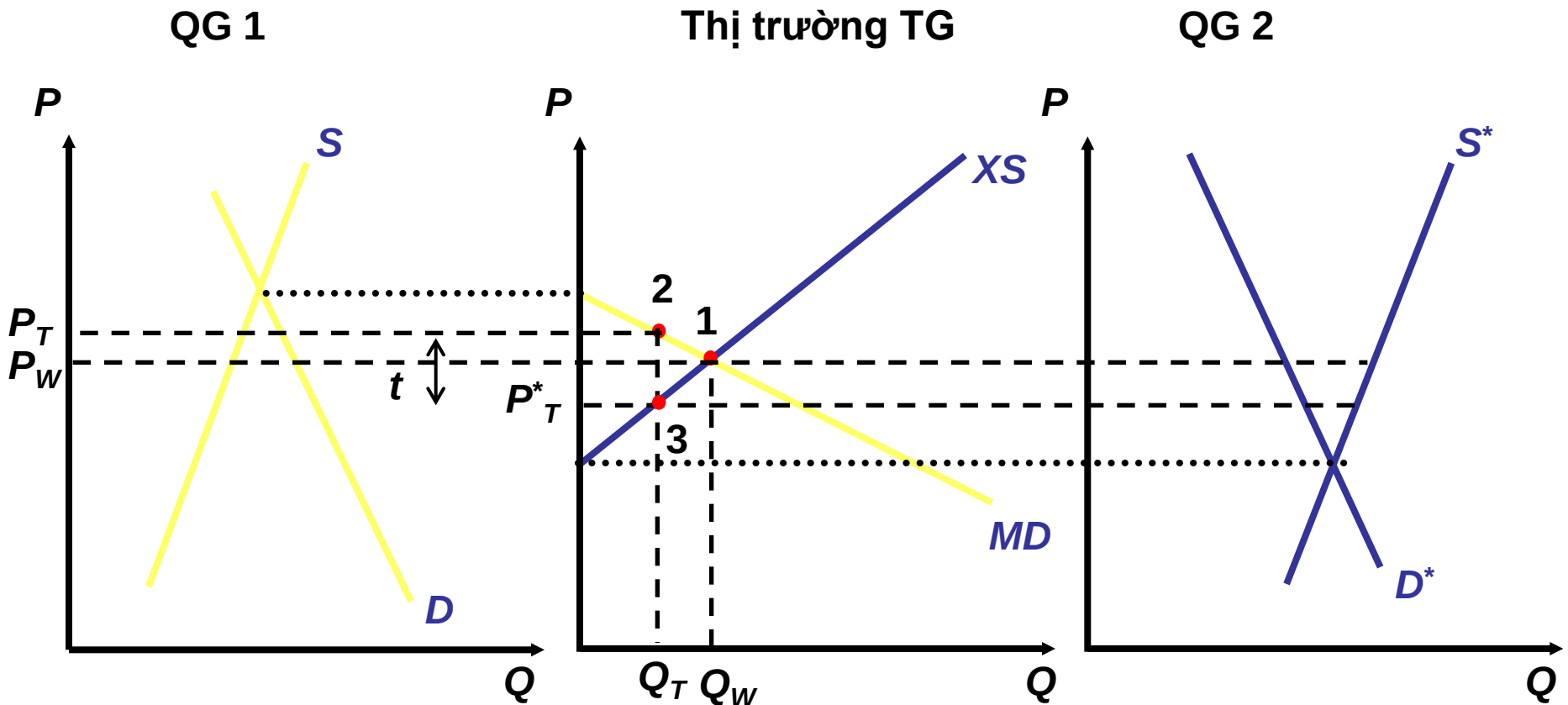


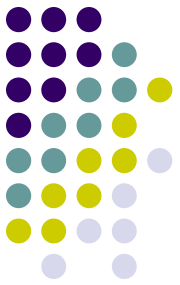
Cân bằng trên thị trường thế giới



Phân tích tác động chung của thuế quan

- Giả sử QG 1 và QG 2 là 2 nước lớn
- Nếu QG 1 đánh thuế t \$ đối với mỗi đơn vị H X nhập khẩu
→ các nhà XK của QG 2 sẽ ko xk H X nếu chênh lệch mức giá giữa 2 QG nhỏ hơn $2t$





Phân tích tác động chung của thuế quan

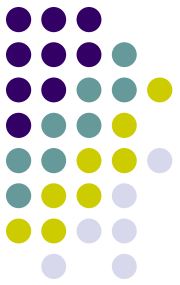
- Khi không có thuế quan, mức giá thế giới của H X cân bằng ở cả hai QG là P_w

Khi có thuế quan, mức giá của H X ở QG 1 tăng lên đến P_T và ở QG 2 mức giá giảm xuống tới $P^*_T (= P_T - t)$ cho đến khi sự khác biệt giữa P_T và P^*_T là t \$.

Ở QG1: các nhà sx cung cấp nhiều H X hơn và nhu cầu của những người tiêu dùng giảm xuống bởi vì mức giá cao $\rightarrow$ nhu cầu nhập khẩu giảm

Ở QG2: các nhà sx cung cấp ít H X hơn và nhu cầu tiêu dùng nhiều hơn do mức giá giảm $\rightarrow$ ít hàng hóa xk hơn.

$\rightarrow$ Số lượng H X giảm do áp dụng thuế quan

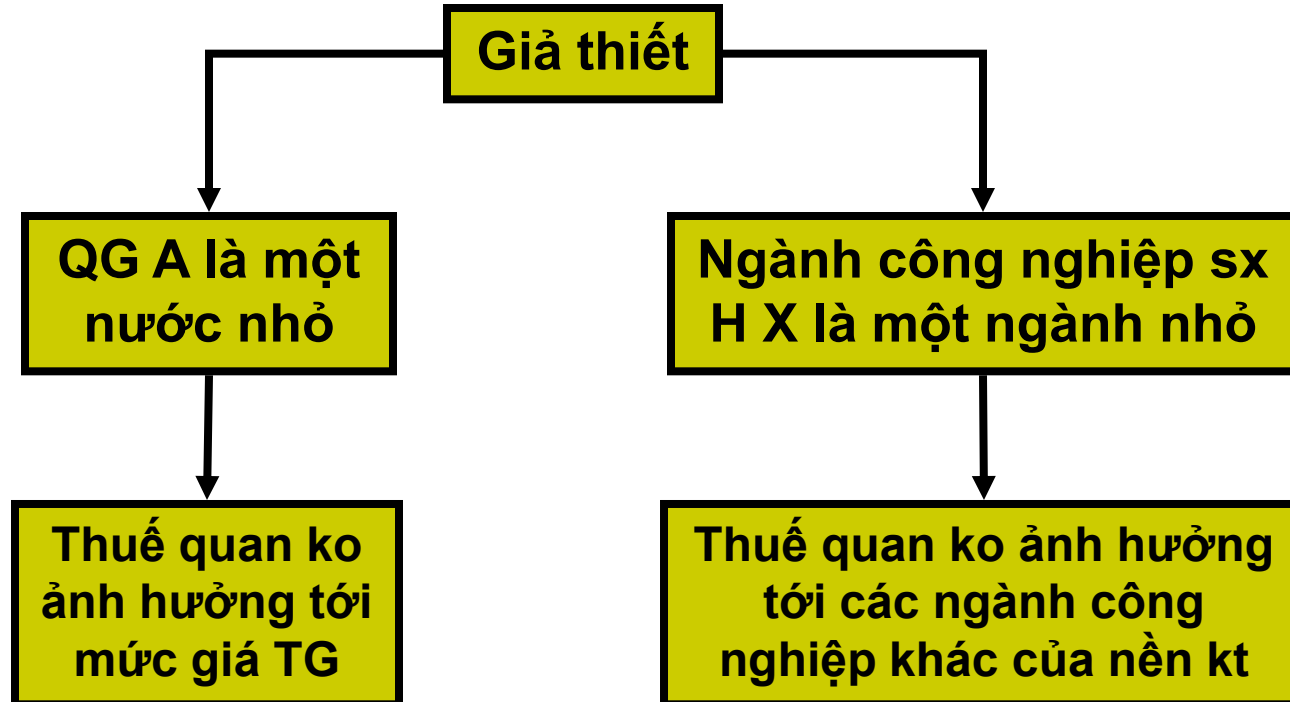
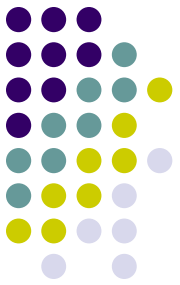


Phân tích tác động của thuế quan

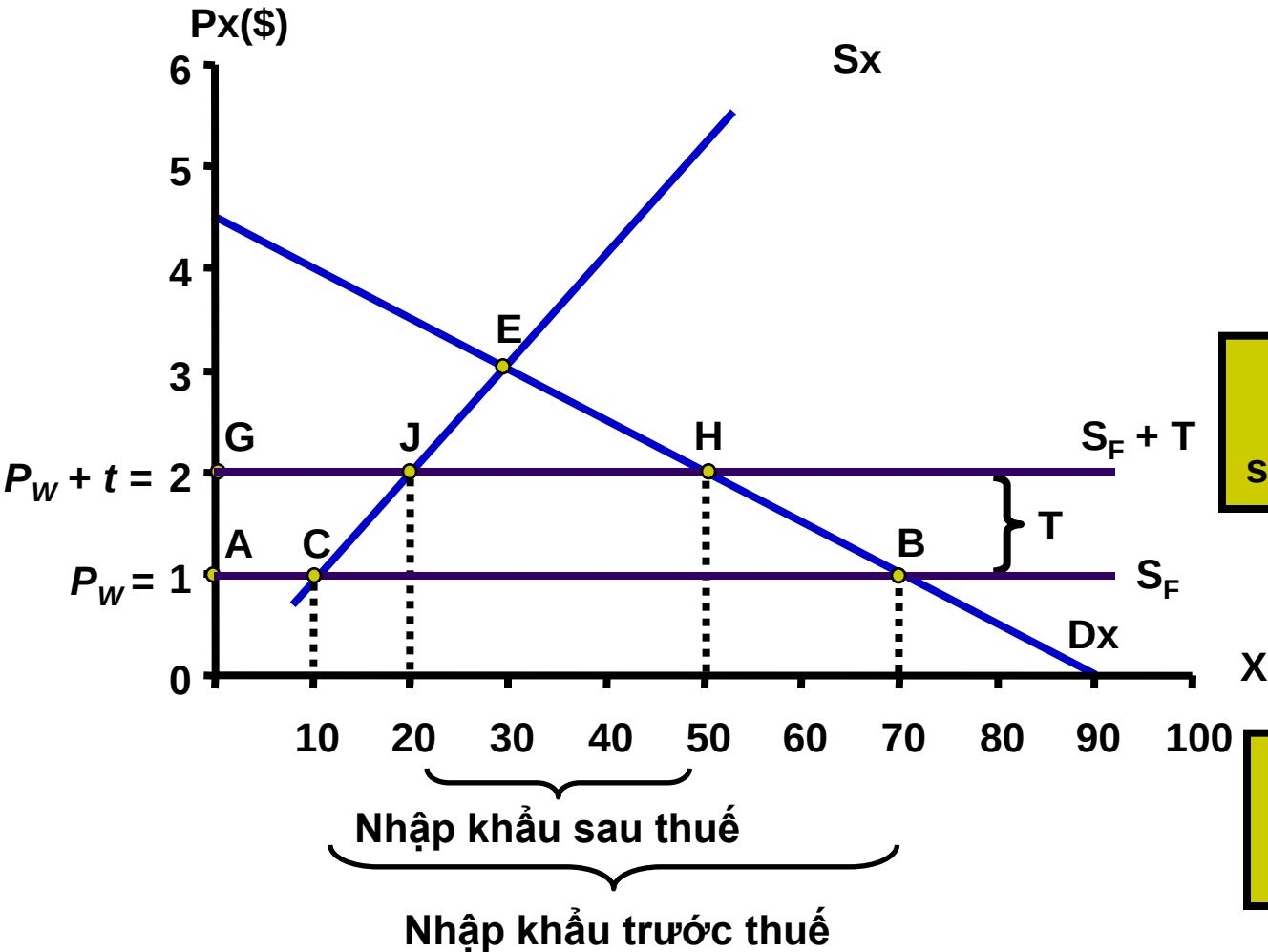
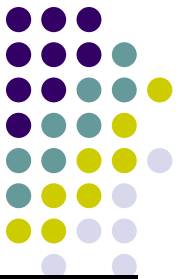
Giá H X ở QG 1 tăng ít hơn mức thuế quan bởi vì một phần tác động của thuế quan đã được phản ánh trong mức giá giá xuất khẩu ở QG 2.

Tuy nhiên, nếu QG nhập khẩu là nước nhỏ và nước này quyết định áp dụng thuế quan đối với H X thì sao???

Phân tích tác động cân bằng cục bộ của thuế quan



Phân tích tác động cân bằng cục bộ của thuế quan



Khi ko có TM, QGA A sx và td tại E(30X, 3\$)

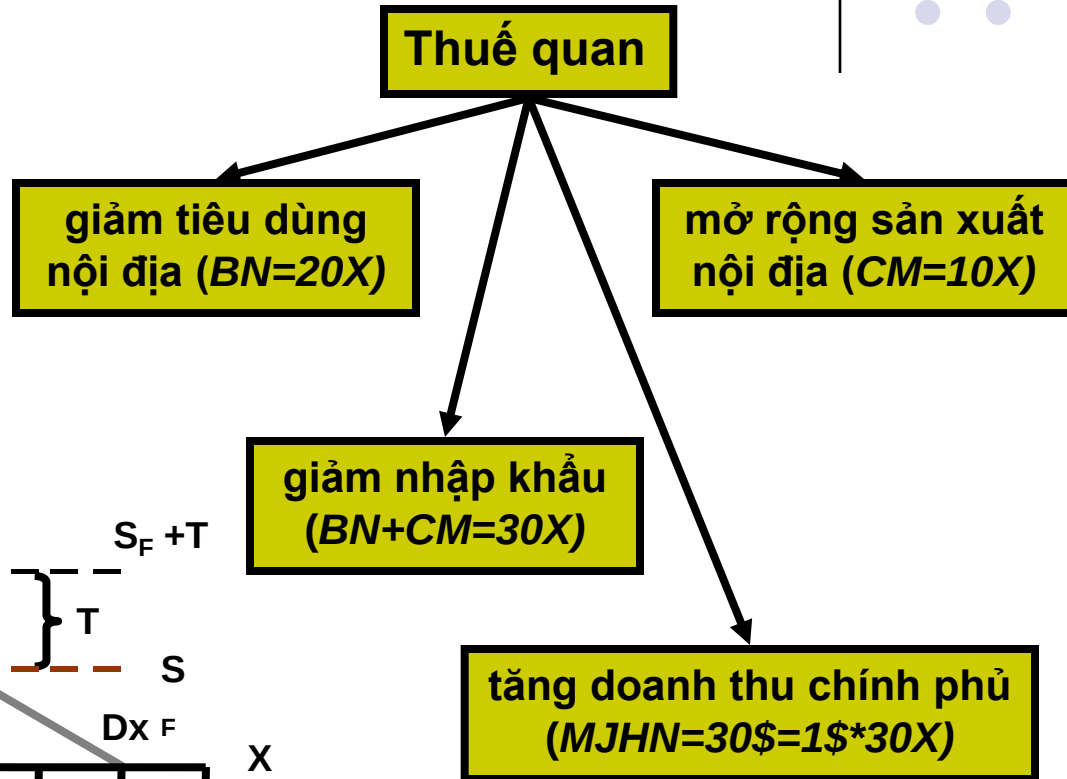
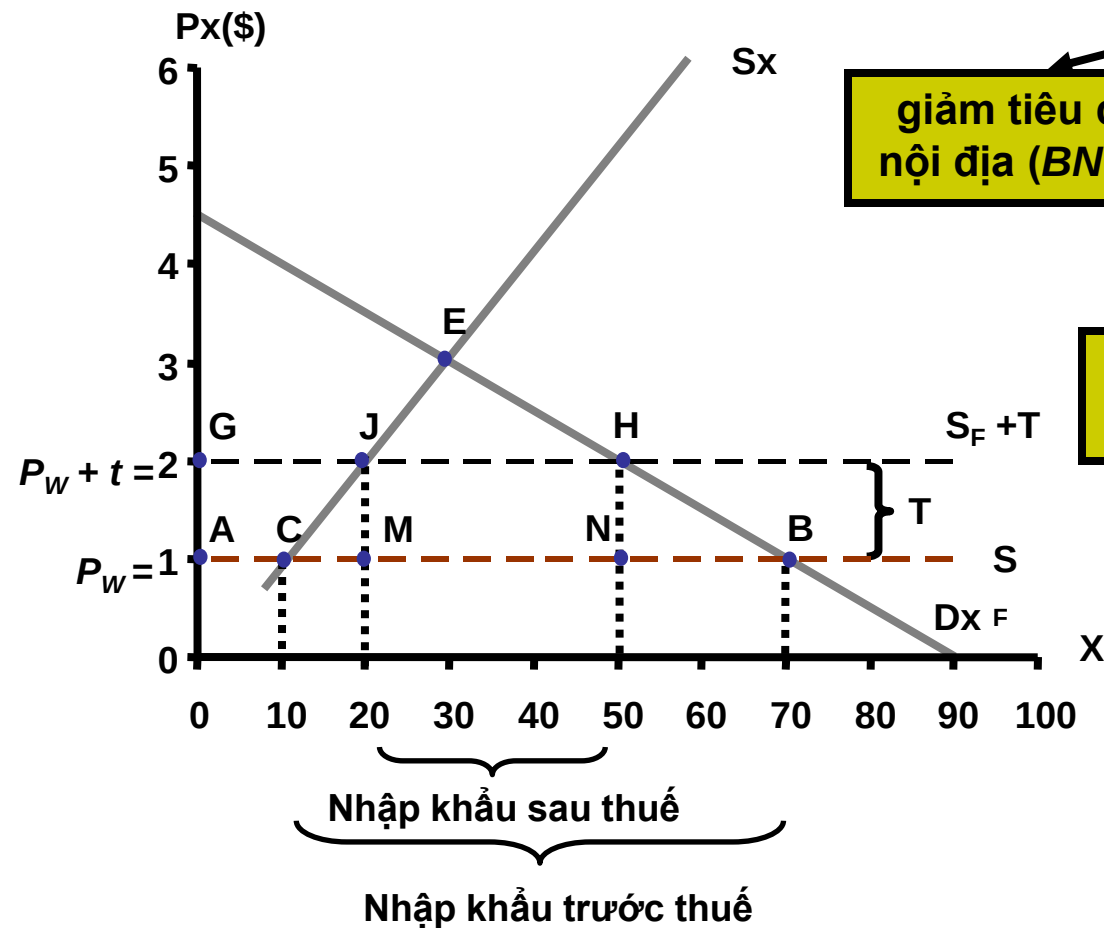
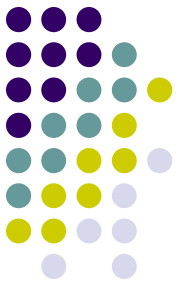
$$P_x > P_w$$

Khi TM tự do, với $P_w = 1$, QGA td AB = 70X trong đó sx AC = 10X và NK CB = 60X

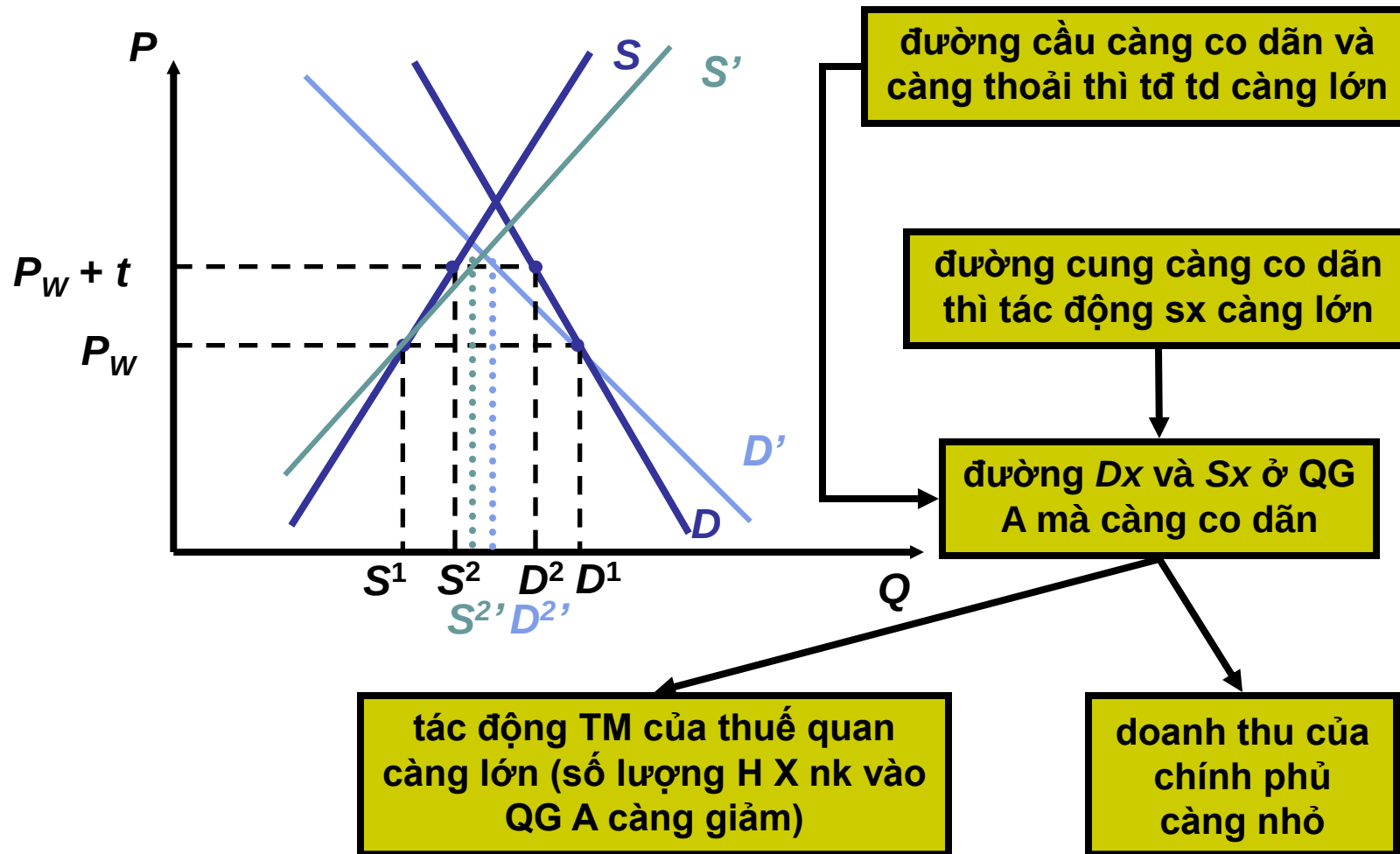
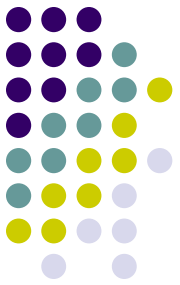
$$t = 100\%$$

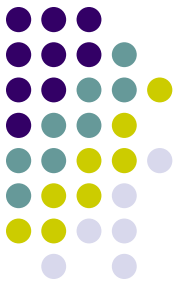
$P_x = 2$, QGA td GH = 50X trong đó sx GJ = 20X và NK JH = 30X

Phân tích tác động cân bằng cục bộ của thuế quan



Tác động của thuế quan với hình dáng D_x và S_x





Tác động của thuế quan tới thặng dư của người sản xuất và thặng dư của người tiêu dùng

P_x tăng dưới tác động của thuế quan

thiệt hại trong thặng dư của người tiêu dùng

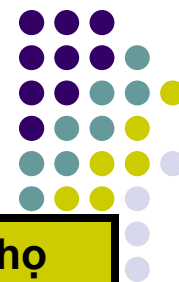
Khoản chênh lệch giữa giá mà người TD sẵn sàng trả cho mỗi đơn vị H (được chỉ ra bởi độ cao của đường cầu tại điểm TD) và giá mà thực tế họ phải trả cho mỗi đơn vị H (bằng với mức giá của đơn vị H cuối cùng mà họ mua)

tăng lên trong thặng dư của nhà sản xuất

Khoản chênh lệch giữa giá mỗi đơn vị H mà người sx bán được (bằng với mức giá của đơn vị H cuối cùng mà họ bán) và giá thực tế mà họ sx (được chỉ ra bởi độ cao của đường cung tại điểm đó)

Cụ thể

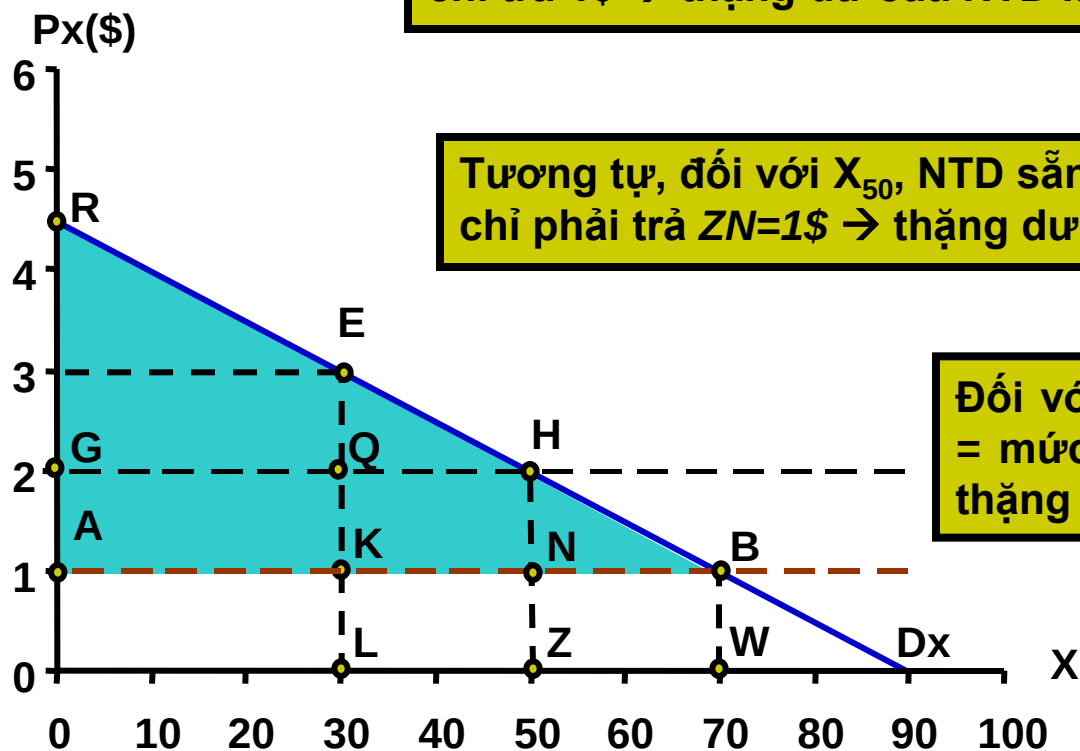
Tác động của thuế quan tới thặng dư của người TD



NTD ở QG A sẵn sàng trả $LE=3\$$ cho X_{30} . Nhưng vì thực tế họ chỉ trả $1\$ \rightarrow$ thặng dư của NTD là $KE=2\$$ đối với X_{30} mà họ mua

Tương tự, đối với X_{50} , NTD sẵn sàng trả $ZH=2\$$. Nhưng vì họ chỉ phải trả $ZN=1\$ \rightarrow$ thặng dư của NTD là $NH=1\$$ đối với X_{50}

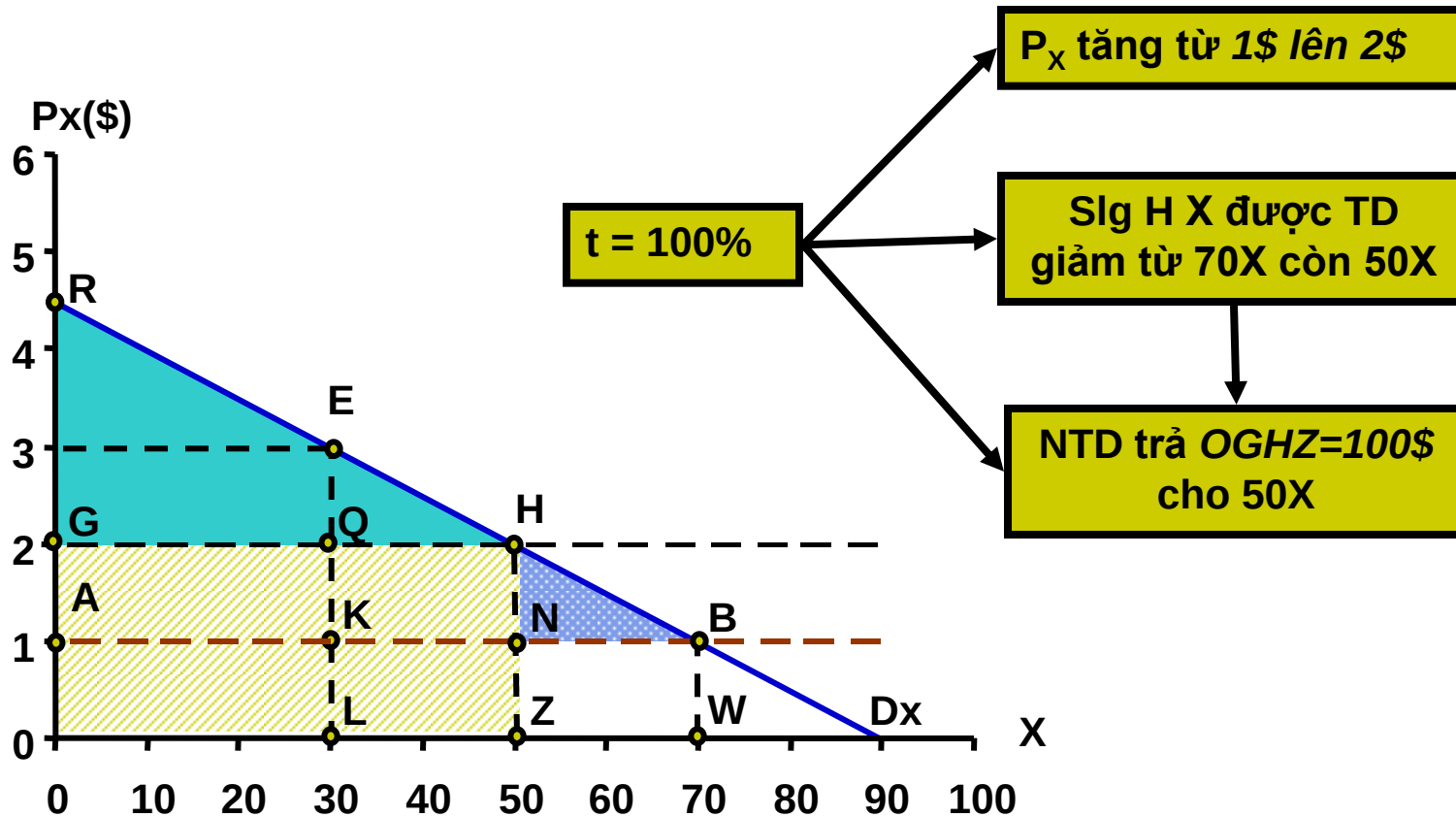
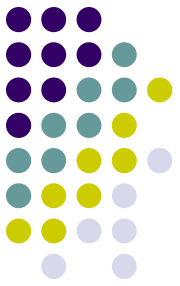
Đối với X_{70} , NTD sẵn sàng trả $WB=1\$$ = mức giá mà họ thực tế phải trả $\rightarrow$ thặng dư của NTD đối với X_{70} bằng 0.



sự khác biệt giữa số tiền thực tế mà NTD sẵn sàng trả ($ORBW=192.50\$$) và số tiền thực tế mà họ phải trả cho $70X$ ($OABW=70\$$).

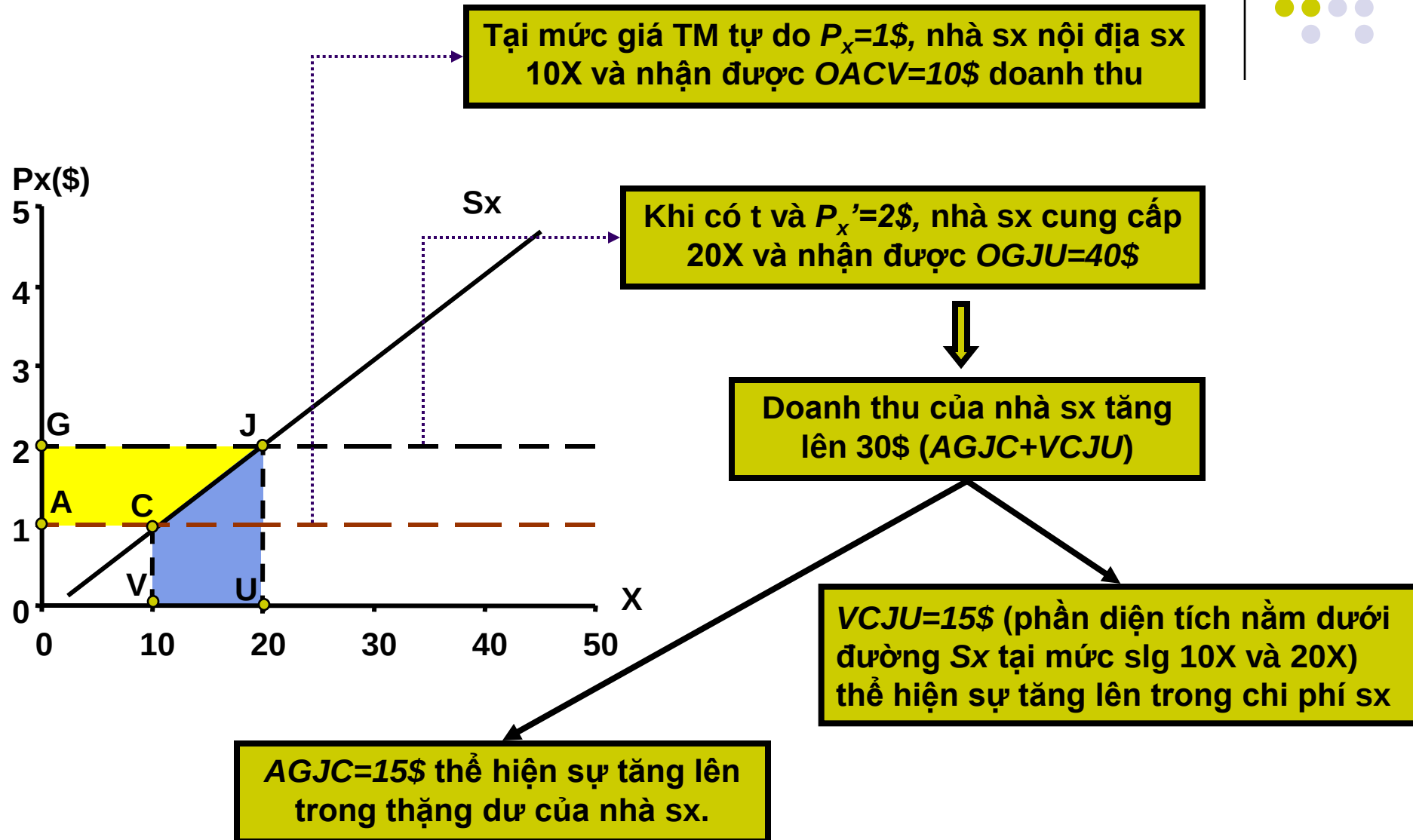
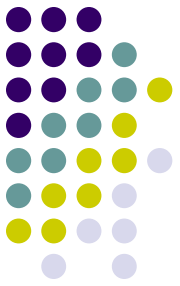
Với tổng số $70X$ được mua với $P_x=1\$$ trong trường hợp ko có T, tổng thặng dư của NTD ở QG A bằng $ARB=122.50\$$.

Tác động của thuế quan tới thặng dư của người TD

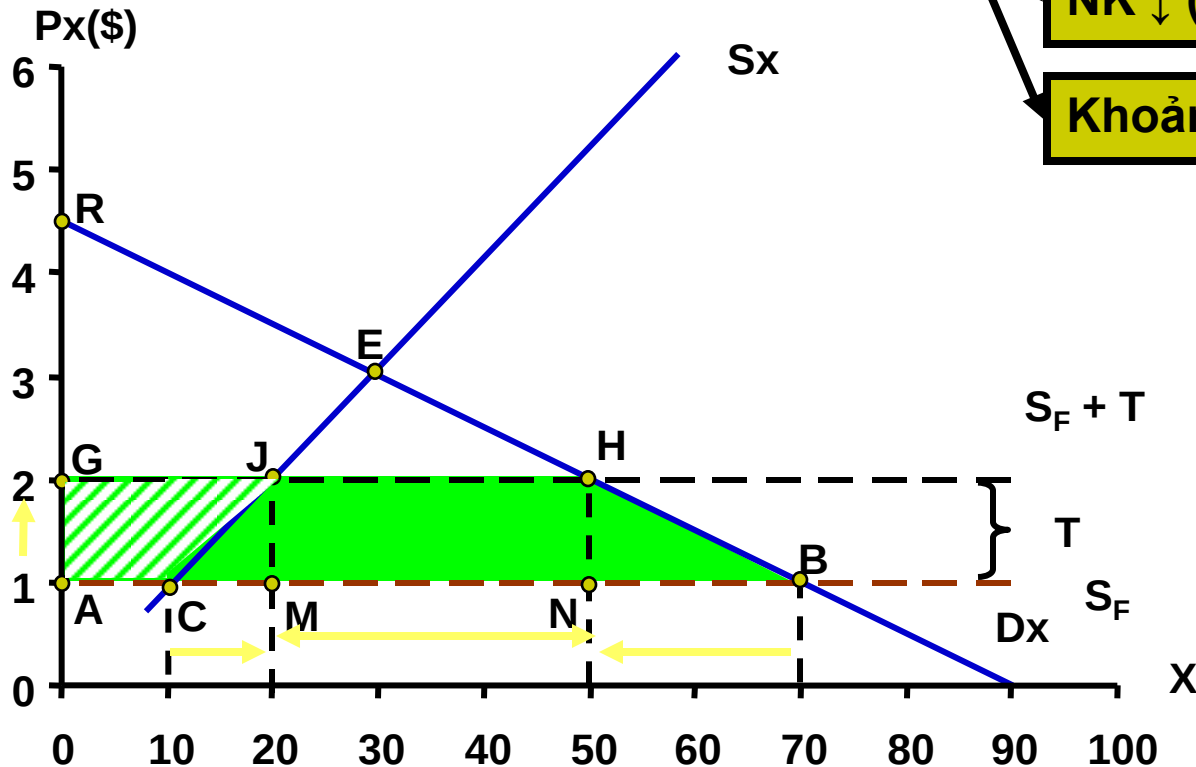
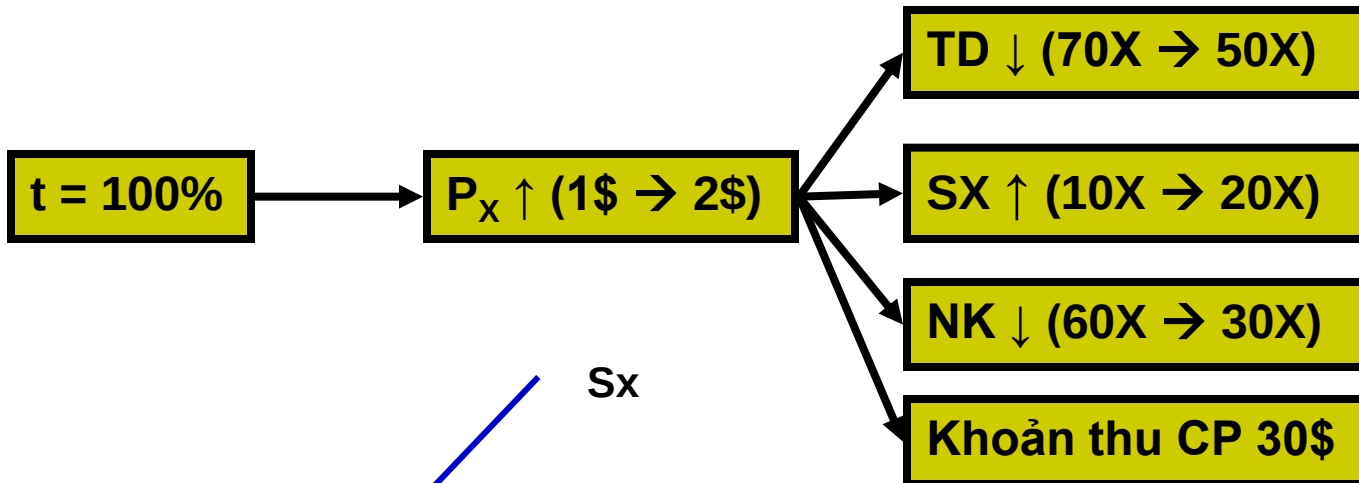
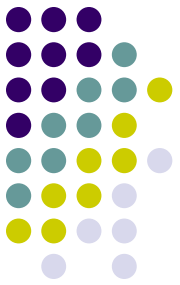


Thặng dư của NTD giảm từ $ARB=122.50\$$ (với mức giá $P_x=1\$$ trước khi có t) xuống $GRH=62.50\$$ (mức giá $P'_x = 2\$$ khi có t), hay chính là bằng $AGHN=60\$$.

Tác động của thuế quan tới thặng dư của người sx



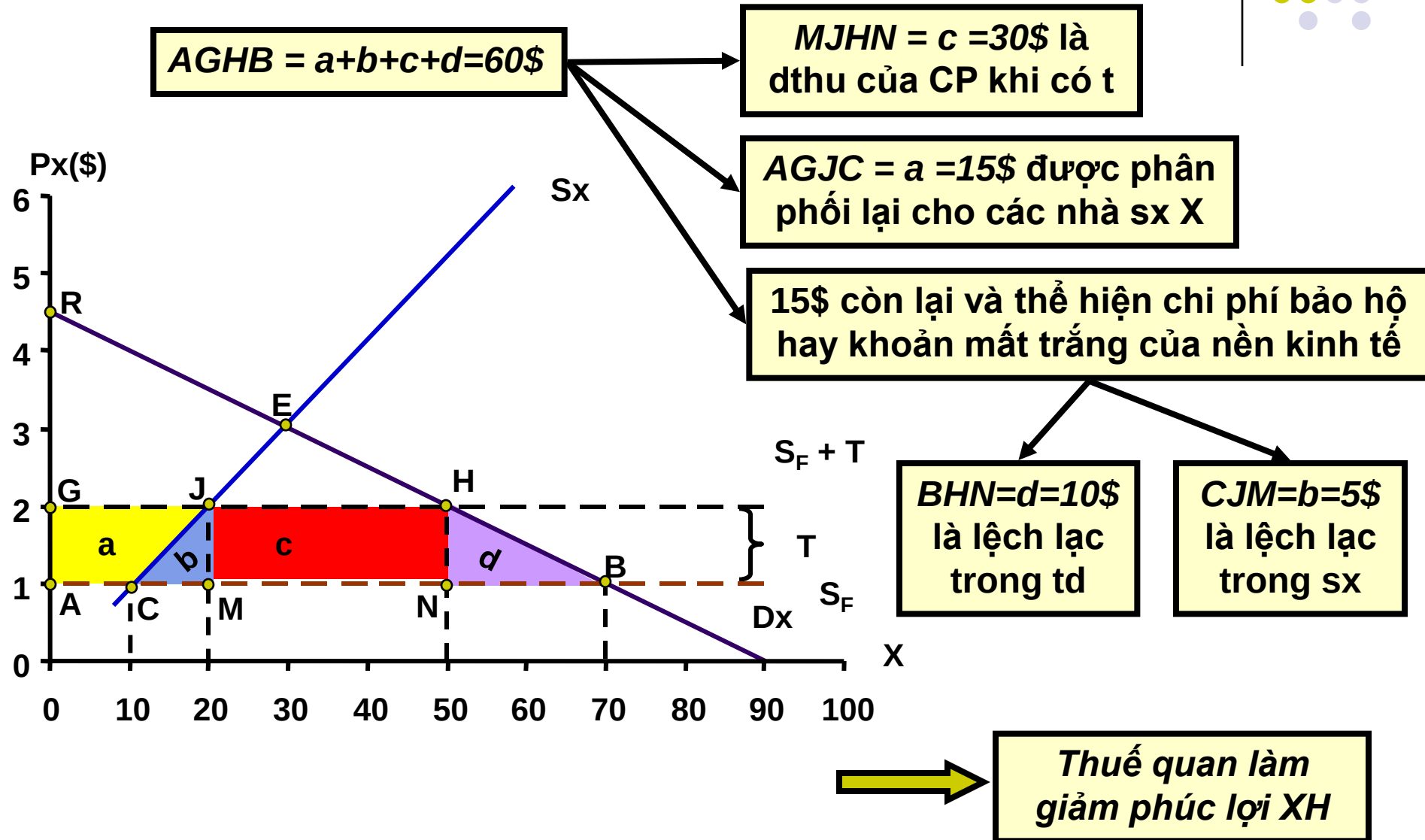
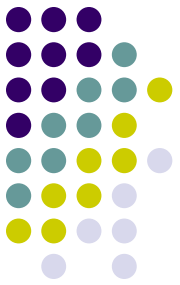
Chi phí và lợi ích của thuế quan



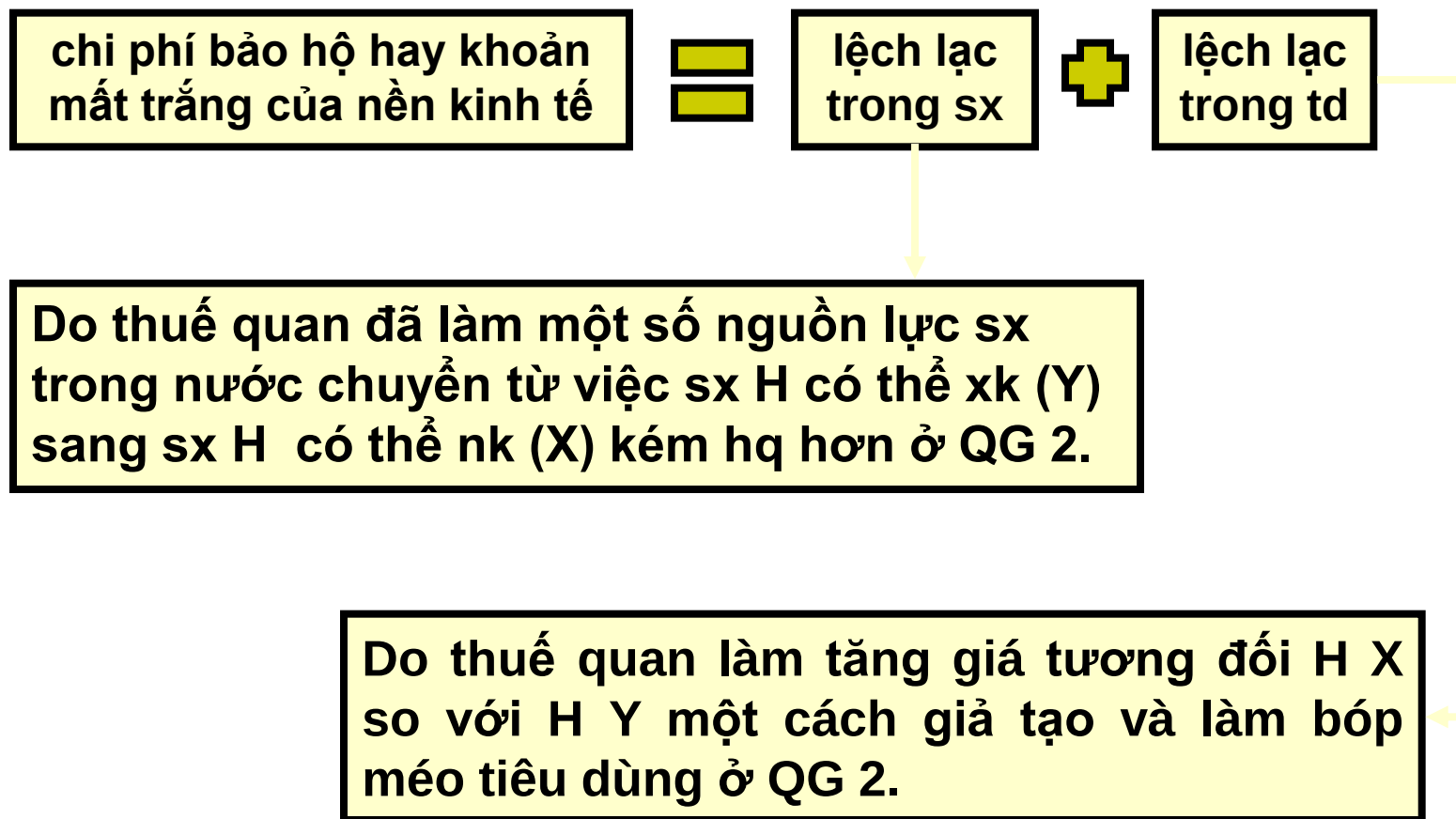
thặng dư của NTD giảm
một lượng là $AGHB=60\$$

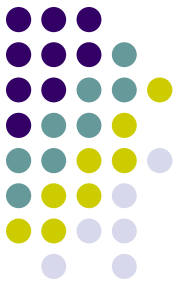
thặng dư của nhà sx tăng
một lượng là $AGJC=15\$$

Chi phí và lợi ích của thuế quan



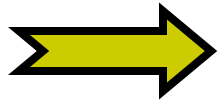
Chi phí bảo hộ hay khoản mất trắng của nền kinh tế

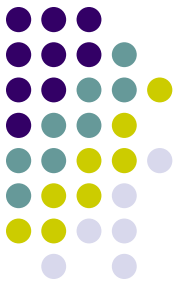




Chi phí và lợi ích của thuế quan

Thuế quan đã phân phối lại thu nhập từ những người tiêu dùng nội địa (những người trả giá cao hơn cho H) sang những nhà sản xuất H đó ở nội địa (những người nhận được mức giá cao hơn) và từ các yếu tố dư thừa của quốc gia (sản xuất hàng hóa xuất khẩu) sang các yếu tố khan hiếm của quốc gia (sản xuất hàng hóa nhập khẩu). Điều này dẫn tới sự không hiệu quả (chi phí bảo hộ, hay khoản mất trắng) của thuế quan.



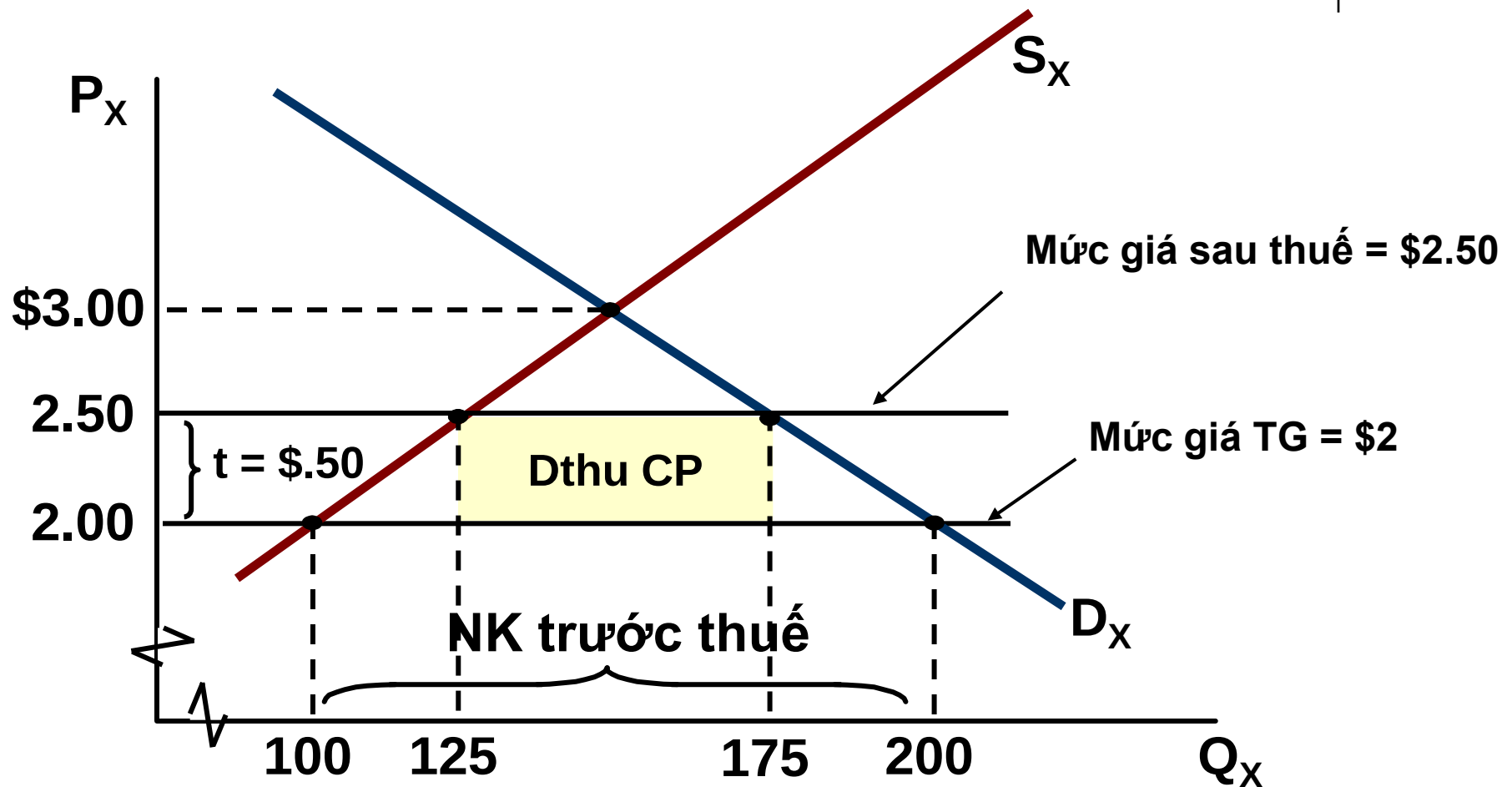
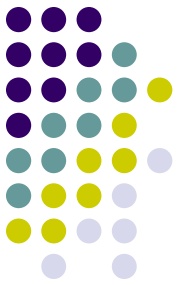


Bài tập

Giả sử QG A là một nước nhỏ có đường cung và đường cầu về H X như sau: $D_X = 300 - 50P$, $S_X = 50P$. Hãy xác định:

1. Mức tiêu dùng, sản xuất, và nhập khẩu của H X khi TM tự do với mức giá $P_X = 2\$$?
2. Mức tiêu dùng, sản xuất và nhập khẩu của H X sau khi QG A áp dụng thuế quan giá trị 25% đối với H X?
3. Các tác động tiêu dùng, sản xuất, thương mại và doanh thu của thuế quan?
4. Xác định các giá trị bằng tiền của thặng dư tiêu dùng trước và sau khi áp dụng thuế quan?
5. Sự tăng lên trong thặng dư của nhà sản xuất là bao nhiêu sau khi áp dụng thuế quan?
6. Xác định giá trị bằng tiền của chi phí bảo hộ hay khoản mất trắng của thuế quan?

Thuế quan trong một nước nhỏ



- cobweb model
- The Cobweb model or Cobweb theory explains why prices in certain markets are subject to periodic fluctuation. It is an economic model of cyclical supply and demand in which there is a lag between response of producers to a change of price. It is sometimes called the hog-cycle, a reference to the fluctuation of American pig prices in the 1930s.

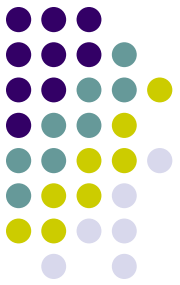


Creation of model

- The cobweb model was identified by the Hungarian economist, Nicholas Kaldor.
- Examples
- Farming is a good example, as there is a lag between planting and harvesting. The classic example is that of the market for agricultural goods, such as the market for strawberries. As a result of good weather, the strawberry crop is very good and strawberry farmers go to market with many strawberries. This unusually high supply, equivalent to a rightward shift in the market's supply curve, results in low prices. Therefore, the following year, farmers will reduce their production of strawberries in favor of other goods. When they go to market, the supply will then be low, equivalent to a leftward shift in the supply curve, resulting in high prices. Thus, the following year, farmers will increase their production of strawberries and then find that when they go to market, prices are low.



- Another example is illustrated in the diagram to the right. [Equilibrium](#) is at the intersection of supply and demand, where Q satisfies supply and demand at price P . If there is then a poor harvest (using the farming example) in period 1 (1 on the diagram), supply falls to Q_1 , and prices rise to P_2 , corresponding to point 2 on the diagram. Producers then start new production influenced by this high price, and in the next period (3) supply Q_2 . Prices must now fall to P_3 (point 4 on diagram) to sell all output. The process repeats itself, until it eventually converges at Q_0 , where the system is stable.
- This cycle will continue to repeat in one of three ways: If the slopes were drawn so that supply was steeper than demand (on price axis), the fluctuations would get wider and wider and fluctuations may become more and more drastic, and so a plot of the equilibriums in each period over time would look like an outward [spiral](#) (divergent). Alternatively, fluctuations may become less and less drastic, and so a plot of the equilibriums in each period over time would look like an inward spiral (convergent). Fluctuations may also remain constant (stable), and so a plot of the equilibriums would produce a simple; this scenario is unlikely in the short to medium term. In either of the first two scenarios, the combination of the spiral and the supply and demand curves often looks like a [cobweb](#), hence the name of the theory.
- Criticisms of model
- One criticism of this model is its assumption that producers are extremely shortsighted; they are fundamentally unable to judge market conditions or learn from their pricing mistakes that result in surplus/shortfall cycles. This assumption is seen to be unrealistic.



The Cobweb model

